ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1180 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 17 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 và danh mục dự án bị hủy bỏ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Danh mục điều chỉnh, bổ sung dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 tỉnh Cà Mau;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 288/TTr-STNMT ngày 28 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau *(ban hành kèm theo Kế hoạch)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố Cà Mau và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (Tính);
- Phòng NN-TN (Nguyên, 15/7);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Quyết định số: 1180 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Xây dựng kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2019 nhằm mục đích giúp cho các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể để kịp thời phục vụ công tác:

- Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Đấu giá khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê trong trường hợp diện tích tính thu tiền của thửa đất, khu đất có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên tính theo giá đất trong Bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành

- Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong trường hợp diện tích tính thu tiền của thửa đất, khu đất có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên tính theo giá đất trong Bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành.

2. Yêu cầu:

Việc xác định giá đất cụ thể phải được thực hiện khách quan, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật đất đai năm 2013. Đối với trường hợp thuê đơn vị tư vấn định giá đất, đơn vị đó phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Các khu đất, thửa đất cần định giá đất cụ thể trong năm 2019 là 80 trường hợp, trong đó:

a) Có 63 công trình, dự án thu hồi đất cần định giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 114 của Luật đất đai năm 2013.

b) Có 17 khu đất, thửa đất cần định giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, Điều 15 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm b, khoản 3, Điều 3 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư. Đối với các dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau, giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất

quy định tại khoản 2, Điều 18 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

2. Danh mục các dự án, công trình; thửa đất, khu đất dự kiến thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể *(Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo).*

3. Kinh phí thực hiện:

a) Tổng kinh phí dự kiến: 3.167.843.000 đồng *(ba tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).*

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Đối với kinh phí xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối với kinh phí xác định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, thuế đất theo quy định tại khoản 2, Điều 15 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và điểm b, khoản 3, Điều 3 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP: Nguồn ngân sách Nhà nước (*Nguồn sự nghiệp kinh tế theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Lập dự toán chi phí thực hiện xác định giá đất cụ thể gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

b) Trên cơ sở hồ sơ đề xuất của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các cơ quan, đơn vị liên quan về xác định giá đất cụ thể theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện lựa chọn, ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể đối với trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật đấu thầu.

c) Trên cơ sở kết quả định giá đất cụ thể đã thuê đơn vị tư vấn thực hiện hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng đề xuất, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đánh giá xác định giá đất gửi Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

d) Thực hiện nhiệm vụ đột xuất khi có yêu cầu của UBND tỉnh liên quan đến xây dựng phương án giá đất cụ thể để mời gọi thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định giá đất cụ thể và phương án giá đất trước khi trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh xem xét, thẩm định khi có yêu cầu.

b) Thẩm định dự toán định giá đất cụ thể đối với các trường hợp nêu trên, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định. Đồng thời, hướng dẫn UBND huyện, thành phố Cà Mau lập dự toán,

thanh quyết toán đối với các dự án, công trình; thửa đất, khu đất dự kiến do UBND cấp huyện xác định giá đất cụ thể.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau:

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, tổ chức có chức năng tư vấn giá đất trong việc điều tra, cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất, khu đất cần xác định giá.

b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị định giá đất và đăng ký thời gian định giá với Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Văn bản đề nghị thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể, gồm các nội dung: Tên công trình, dự án; vị trí khu đất; tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng; tổng diện tích đất bị thu hồi, diện tích bồi thường và giá đất từng loại đất bị thu hồi theo Bảng giá các loại đất do UBND tỉnh ban hành.

- Bản sao văn bản, chủ trương thực hiện công trình, dự án.

- Trích lục Bản đồ địa chính hoặc Mảnh trích đo địa chính khu đất thu hồi được lập theo quy định tại Điều 8, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính *(Trích lục Bản đồ địa chính, Mảnh trích đo địa chính đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm duyệt theo quy định).*

- Danh sách chủ sử dụng đất bị ảnh hưởng dự án được thống kê theo Phụ lục số 15 - Mẫu sổ mục kê đất đai ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh công trình, dự án; thửa đất, khu đất cần xác định giá đất cụ thể nằm ngoài Kế hoạch được phê duyệt, đề nghị các sở ngành, đơn vị có liên quan và UBND huyện, thành phố Cà Mau báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Lâm Văn Bi

PHỤ LỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số: 1180/QĐ-UBNDngày 17 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
A	**Danh mục xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường**		**1.291,270**	**7,030**	**11,100**	**1.273,14**	**2.745.823.700**
I	**Dự án năm 2018 chuyển sang**		**850,090**	**7,030**	**11,100**	**831,960**	**1.471.410.500**
1	**Thành phố Cà Mau**		**271,750**			**271,750**	**376.683.500**
01	Dự án chỉnh trang khu dân cư đường Vành đai 2 *(đoạn từ Nguyễn Trãi đến Lâm Thành Mậu)*	Phường 4, Phường 9	45,30			45,30	84.777.500
02	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường đấu nối vào Khu Đô thị mới Bạch Đằng	Xã Lý Văn Lâm	0,36			0,36	26.825.000
03	Dự án Khu dân cư phía Tây tuyến đường Tạ Uyên	Phường 9	26,54			26,54	70.615.000
04	Dự án khu B, khu C3 thuộc Khu Đô thị cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau	Phường Tân Thành	154,24			154,24	112.376.000
05	Khu dân cư Phường Tân Xuyên - Khu D	Phường Tân Xuyên	45,31			45,31	82.090.000
2	**Huyện Thới Bình**		**1,02**	**1,00**		**0,02**	**44.456.500**
01	Dự án xây dựng nhà làm việc Điện lực Thới Bình	Khóm 1, TT. Thới Bình	0,02			0,02	21.864.000
02	Trạm 110 KV Thới Bình và đường dây đấu nối tỉnh Cà Mau	TT. Thới Bình	1,00	1,00			22.592.500
3	**Huyện Trần Văn Thời**		**403,30**			**403,30**	**454.731.000**
01	Dự án xây dựng khu dân cư bờ Nam Sông Đốc	TT. Sông Đốc	287,07			287,07	124.025.000

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
02	Dự án xây dựng đường nội ô thị trấn Trần Văn Thời	TT. Trần Văn Thời	2,25			2,25	33.244.000
03	Cụm dân cư vàm kênh Sào Lưới (thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình tái định cư RPH Biển Tây huyện Trần Văn Thời)	Xã Khánh Bình Tây	18,00			18,00	62.714.000
04	Khu tái định cư xen ghép thị trấn Sông Đốc (thuộc dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê biển Tây tỉnh Cà Mau)	TT. Sông Đốc	12,43			12,43	62.380.000
05	Mở rộng trụ sở hành chính UBND xã Khánh Bình Đông	Xã Khánh Bình Đông	0,05			0,05	19.384.000
06	Dự án Khu dịch vụ - dân cư Khu công nghiệp Sông Đốc	TT. Sông Đốc	76,70			76,70	99.490.000
07	Mở rộng khu di tích Nguyễn Long Phi (Bác Ba Phi)	TT. Sông Đốc	6,80			6,80	53.494.000
4	**Huyện Đầm Dơi**		**4,00**	**4,00**			**114.225.500**
01	Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi (giai đoạn II)	Xã Tân Duyệt	1,00	1,00			30.325.000
02	Lộ sau dãy tập thể ngân hàng	TT. Đầm Dơi	0,26	0,26			21.630.000
03	Nhà máy điện gió Tân Thuận (Trụ quan trắc đo gió)	Xã Tân Thuận	1,65	1,65			31.747.500
04	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 KV Tân Thuận	Xã Tân Thuận	1,09	1,09			30.523.000
5	**Huyện Cái Nước**		**108,60**			**108,60**	**105.278.000**
01	Khu công nghiệp Hòa Trung (Nhà máy xử lý nước thải tập trung và quỹ đất sạch)	Xã Lương Thế Trân	108,60			108,60	105.278.000
6	**Huyện Phú Tân**		**18,00**			**18,00**	**65.632.000**

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
01	Điểm dân cư và Kênh Công Nghiệp (thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư RPH biển Tây huyện Phú Tân)	TT. Cái Đôi Vàm, xã Tân Hải	18,00			18,00	65.632.000
7	**Huyện U Minh**		**5,29**			**5,29**	**98.807.500**
01	Dự án xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và bến cá Khánh Hội	Xã Khánh Hội	4,58			4,58	68.190.000
02	Dự án khu dân cư kênh xáng lộ xe bờ Tây sông Cái Tàu	TT. U Minh	0,71			0,71	30.617.500
8	**Huyện Năm Căn**		**38,13**	**2,03**	**11,10**	**25,00**	**211.596.500**
01	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở Khu dân cư thị trấn Năm Căn	TT. Năm Căn	1,86	1,86			35.125.000
02	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau	TT. Năm Căn	25,00			25,00	69.717.500
03	Đường dây 220 KV Cà Mau 2 - Năm Căn	Huyện Năm Căn	11,10		11,10		67.762.500
04	Dự án xây dựng đường Nguyễn Việt Khái	Huyện Năm Căn	0,05	0,05			19.384.000
05	Dự án tuyến lộ từ đường 13/12 (cặp Phòng GD&ĐT) đấu nối vào đường Nguyễn Tất Thành (đường xuống bến phà sông Cửa Lớn).	Huyện Năm Căn	0,12	0,12			19.607.500
II	**Dự án thu hồi đất năm 2019**		**259,500**			**259,500**	**1.061.590.600**
1	**Thành phố Cà Mau**		**2,02**			**2,02**	**74.775.000**
01	Dự án mở rộng trạm biến áp 110 KV An Xuyên thuộc công trình đường dây 110KV An Xuyên - Vĩnh Thuận	Phường Tân Xuyên	0,09			0,09	21.835.000

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
02	Dự án điều chỉnh khu dân cư xã Thạnh Phú	Xã Lý Văn Lâm	1,88			1,88	33.556.000
03	Dự án xây dựng mới lộ giao thông tuyến kênh Cây Bưởi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu).	Phường 6	0,05			0,05	19.384.000
04	Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học tư thục Y-Dược Cà Mau	Phường Tân Xuyên	13,19			13,19	54.397.000
2	**Huyện Thới Bình**		**0,10**			**0,10**	**19.190.000**
01	Mở rộng, tu bổ, chỉnh trang nâng cấp Đền thờ Vua Hùng	Xã Tân Phú	0,10			0,10	19.190.000
3	**Huyện Trần Văn Thời**		**129,16**			**129,16**	**375.450.500**
01	Dự án đê biển Tây đoạn vòng qua cống Đá Bạc	Xã Khánh Bình Tây	7,70			7,70	50.260.000
02	Dự án xây dựng mở rộng LFS (trạm tiếp bờ đường ống dẫn khí)	Xã Khánh Bình Tây Bắc	1,71			1,71	30.417.500
03	Xây dựng trụ Ăng - Ten cao 125m	Khóm 9, TT. Sông Đốc	1,00			1,00	28.934.000
04	Nghĩa trang nhân dân huyện Trần Văn Thời	Xã Phong Điền	10,00			10,00	55.380.000
05	Dự án Khu nhà ở mật độ cao khóm 10, thị trấn Sông Đốc	Khóm 10, TT. Sông Đốc	8,72			8,72	52.532.000
06	Hạ tầng Khu công nghiệp Sông Đốc phía Nam	TT. Sông Đốc, xã Phong Điền	100,00			100,00	99.927.000
07	Trung tâm Y tế huyện Trần Văn Thời	Khóm 1, TT, Trần Văn Thời	0,03			0,03	58.000.000
4	**Huyện Đầm Dơi**		**0,35**			**0,35**	**22.670.000**
01	Dự án đầu tư xây dựng đường số 7 (đoạn từ đường Dương Thị Cẩm Vân đến đường Nguyễn Tạo, song song với đường Ngô Bình An)	Khóm 4, TT. Đầm Dơi	0,35			0,35	22.670.000
5	**Huyện Cái Nước**		**1,54**			**1,54**	**48.333.000**

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
01	Dự án xây dựng trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân	Ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân	0,04			0,04	18.355.000
02	Khu dân cư Bến Tắc - LA 37	TT. Cái Nước	1,50			1,50	29.978.000
6	**Huyện Phú Tân**		**9,99**			**9,99**	**154.037.600**
01	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiểm Lâm	TT. Cái Đôi Vàm	1,00			1,00	28.934.000
02	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Phú Tân (gđ1)	Xã Nguyễn Việt Khái	1,00			1,00	28.934.000
03	Dự án xây dựng và sửa chữa Trường THCS-THPT Vàm Đình, huyện Phú Tân	Xã Phú Thuận	0,07			0,07	18.772.600
04	Cầu qua sông Cái Đôi Vàm	TT. Cái Đôi Vàm	0,99			0,99	28.852.000
05	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	TT. Cái Đôi Vàm, xã Nguyễn Việt Khái	6,93			6,93	48.545.000
7	**Huyện U Minh**		**0,30**			**0,30**	**93.164.000**
01	Dự án xây dựng cầu qua sông Minh Hà	Xã Khánh An	0,04			0,04	18.354.000
02	Dự án xây dựng cầu qua sông Cái Tàu	Xã Khánh Thuận	0,08			0,08	18.912.000
03	Dự án xây dựng cầu ngọn Tiểu Dừa	Xã Khánh Tiến	0,04			0,04	18.354.000
04	Dự án xây dựng cầu qua sông 3 Thướt	Xã Khánh Lâm	0,07			0,07	18.772.000
05	Dự án xây dựng cầu qua kênh Cây Bàng	Xã Khánh Lâm	0,07			0,07	18.772.000
8	**Huyện Năm Căn**		**113,78**			**113,78**	**244.980.500**
01	Trường Mẫu giáo Bình Minh	Xã Tam Giang Đông	0,26			0,26	21.417.000
02	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối khu phi thuế quan với khu thương mại dịch vụ dân cư Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau	TT. Năm Căn	12,50			12,50	56.775.000
03	Khu nông nghiệp ứng dụng cao về thủy sản tại Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Xã Hàng Vịnh	100,00			100,00	99.928.000

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
04	Đầu tư xây dựng công trình lộ ra 110 KV trạm 220 KV Năm Căn	Xã Lâm Hải	0,90			0,90	28.000.000
05	Dự án xây dựng hàng rào Công an huyện Năm Căn	TT. Năm Căn	0,003			0,003	19.391.000
06	Dự án đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác thải tại xã Hàng Vịnh	Ấp 2, xã Hàng Vịnh	0,12			0,12	19.469.500
9	**Huyện Ngọc Hiển**		**2,26**			**2,26**	**28.990.000**
01	Đường đấu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diệu	Xã Tân Ân	2,26			2,26	28.990.000
III	**Nhóm dự án thực hiện trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau**		**181,68**			**181,68**	**212.822.600**
01	Công trình đường dây 110 KV mạch 2 từ trạm 220 KV Cà Mau - An Xuyên	TP. Cà Mau, Huyện Thới Bình, Huyện Trần Văn Thời Huyện U Minh	0,43			0,43	24.173.000
02	Đường dây 110 KV Phú Tân - Năm Căn	Huyện Phú Tân, Huyện Năm Căn	0,48			0,48	24.591.600
03	Dự án đầu tư xây dựng HTTL tiểu vùng II, III, V Cà Mau	Huyện Phú Tân, Huyện Cái Nước, Huyện Trần Văn Thời	15,77			15,77	58.956.000
04	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven tỉnh Cà Mau (thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững vùng đồng bằng sông cửu long)	Xã Khánh An, huyện U Minh; xã Tam Giang Tây, Tân Ân Tây và Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển; xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	165,00			165,00	105.102.000
B	**Danh mục xác định giá đất cụ thể để đấu giá quyền sử dụng đất**		**14,61**	**1,91**	**11,91**	**0,79**	**422.019.300**
1	**Thành phố Cà Mau**		**11,12**	**0,50**	**10,62**	**0,00**	**153.756.400**

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
01	Khu dân Lô C2.6 thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc, thành phố Cà Mau	Phường Tân Thành	0,50	0,50			24.758.000
02	Khu đất thu hồi của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	Phường 5	6,26		6,26		47.053.400
03	Khu đất quy hoạch Chợ nổi Phường 7	Phường 7	1,02		1,02		28.977.000
04	Khu đất Nhà thiếu nhi tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	Phường 5	3,32		3,32		34.891.000
05	Thửa đất số 18, đường Quang Trung, Phường 7, thành phố Cà Mau (Khu tập thể Sở Thủy sản cũ)	Phường 7	0,02		0,02		18.077.000
2	**Huyện Thới Bình**		**0,95**	**0,54**	**0,41**	**0,00**	**51.994.000**
01	Khu đất chợ Thới Bình	TT. Thới Bình	0,41		0,41		24.006.000
02	Tuyến dân cư kênh 6, xã Tân Bằng	Xã Hồ Thị Kỷ	0,54	0,54			27.988.000
3	**Huyện Trần Văn Thời**		**0,03**		**0,03**		**18.648.000**
01	Quyền sử dụng đất ở đô thị khóm 1	Khóm 1, TT. Trần Văn Thời	0,03		0,03		18.648.000
4	**Huyện Cái Nước**		**0,10**	**0,10**			**19.190.000**
01	Khu dân cư lương thực	TT. Cái Nước	0,10	0,10			19.190.000
5	**Huyện Năm Căn**		**1,87**	**0,77**	**0,31**	**0,79**	**116.963.000**
01	Khu dân cư Châu Văn Đặng	Khóm 6, TT. Năm Căn	0,73			0,73	26.680.000
02	Khu dân cư đường Lý Nam Đế	Khóm 4, TT. Năm Căn	0,06			0,06	18.633.000
03	Trung tâm thương mại thị trấn Năm Căn	Khóm 2, TT. Năm Căn	0,31		0,31		23.575.000
04	Trường mầm non Thị trấn	TT. Năm Căn	0,46	0,46			24.500.000
05	Trường mầm non Sao Mai	TT. Năm Căn	0,31	0,31			23.575.000
6	**Huyện U Minh**		**0,54**		**0,54**		**61.467.900**

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			Kinh phí thực hiện (đồng)
				Đất ở	Đất PNN	Đất NN	
01	Đấu giá Khu đất nằm giữa Trụ sở Liên đoàn lao động và Trụ sở liên cơ quan tại khóm 2	TT. U Minh	0,05		0,05		18.494.000
02	Đấu giá Khu đất phía sau Trường Mầm non Hương Tràm	TT. U Minh	0,40		0,40		23.923.000
03	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu đất của Công ty Khánh Hội quản lý trước đây	TT. U Minh	0,09		0,09		19.050.900
Tổng (A + B)			**1.305,88**	**8,94**	**23,01**	**1.273,93**	**3.167.843.000**